

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ, TP.ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2020/HS-ST**
Ngày 19/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Bà Trần Thị Kim Trinh

- Thư ký phiên tòa:Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Mai Phương, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2020/TLST -HS ngày 03 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Ngô Văn D, sinh ngày 03 tháng 12 năm 1998 tại Đà Nẵng. Nơi cư trú: Tổ 49, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn Tr và bà Nguyễn Thị Ú, gia đình bị cáo có 03 người con. Bị cáo là con đầu; tiền án: không; tiền sự : không ; nhân thân: tốt; bị bắt tạm giam từ ngày 12/01/2020. Có mặt.

- Bị hại:

+ Chị Trương Thị Y, Sinh năm: 2000

Địa chỉ: Thôn 9, T, T, Quảng Nam. Vắng mặt

+ Chị Đoàn Thị Kim T, Sinh năm: 2000

Địa chỉ: Thôn 5, T, T, Quảng Nam. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Nguyễn Thị Ú, Sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Tổ 49, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị Th, Sinh năm: 1970

Địa chỉ: Thôn 9, T, T, Quảng Nam. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22h45 ngày 11/01/2020, bị cáo Ngô Văn D điều khiển xe mô tô hiệu Exciter màu đen BKS: 43C-775.28 đi trên đường Trường Chinh, khu vực thuộc địa bàn phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ thì phát hiện Chị Trương Thị Y đang điều khiển xe mô tô hiệu Vision BKS: 92M1-242.06 chở Chị Đoàn Thị Kim T, trên vai trái chị T có đeo 01 túi xách. Bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt túi xách để kiếm tiền tiêu xài. Bị cáo tăng ga, áp sát từ phía bên trái xe của chị Y và dùng tay phải giật túi xách trên vai chị T. Thấy vậy, chị T lập tức giữ lại túi xách nhưng bị cáo tiếp tục giật mạnh làm xe chị Y và T ngã xuống đường, bị cáo vẫn giữ túi xách và kéo lê chị T khoảng 3m thì bị cáo và xe cũng bị ngã. Lúc này, bị cáo thả tay giữ túi xách rồi dựng xe lên định bỏ chạy thì bị chị Y tri hô đồng thời giữ áo không cho bị cáo tẩu thoát, bị cáo đã dùng tay đánh nhiều lần vào đầu chị Y, lúc này nhiều người dân địa phương cùng không chế bị cáo và báo lực lượng Công an đến đưa bị cáo về làm việc.

Tang vật tạm giữ: 01 túi xách màu đỏ, bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu vàng hồng và số tiền 600.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Exciter màu đen BKS 43C1-775.28.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 05/KL- ĐGTS ngày 17/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản UBND quận Cẩm Lệ kết luận: các tài sản gồm 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1s màu vàng hồng và 01 túi xách màu đỏ có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là **1.107.000 đồng** (Một triệu một trăm lẻ bảy ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSCL ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Ngô Văn D về tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 171, các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Cẩm Lệ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, Biên bản tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó HĐXX có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 22h45 ngày 11 tháng 01 năm 2020, bị cáo Ngô Văn D điều khiển xe mô tô BKS: 43C-775.28 đi trên đường Trường Chinh thuộc địa bàn phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, khi đến trước số nhà 1042, bị cáo phát hiện Chị Trương Thị Y điều khiển xe mô tô BKS: 92M1-242.06 chở theo Chị Đoàn Thị Kim T ngồi sau, chị T có đeo túi xách trên vai trái. Bị cáo áp sát từ phía sau, bên trái xe chị Y và dùng tay phải giật túi xách nhưng không được khiến cả hai xe bị ngã, xe chị Y điều khiển ngã trước, tiếp đến xe bị cáo cũng ngã. Sau đó bị cáo nhanh chóng đứng lên dựng xe để tẩu thoát nhưng bị chị Y tri hô bắt giữ bị cáo, bị cáo có hành động dùng tay chống trả, hành hung nhằm tẩu thoát. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 1.707.000đ (gồm túi xách: 120.000đ, điện thoại di động hiệu Oppo F1s màu vàng hồng: 987.000đ) và tiền mặt 600.000đ). Hành vi của bị cáo điều khiển xe máy áp sát từ phía sau, bên trái xe chị Y đang điều khiển và dùng tay phải giật túi xách của chị T ngồi phía sau xe chị Y đang điều khiển khiến cả hai xe bị ngã, hành vi này thể hiện bị cáo đã dùng thủ đoạn gây nguy hiểm đến sức khỏe của chị Y, chị T, tiếp đến chị Y tri hô bắt giữ thì bị cáo chống trả hành hung để tẩu thoát. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm d, đ Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung hình phạt “dùng thủ đoạn nguy hiểm” và “hành hung để tẩu thoát” như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

* Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS nào.

Đánh giá tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo liêu lĩnh đã lợi dụng sơ hở của người quản lý tài sản để nhanh chóng giật lấy tài sản mà người quản lý khó có thể giữ được.

Bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự và an toàn xã hội, gây tâm lý lo lắng, bức xúc trong quần chúng nhân dân, vì vậy cần phải xử phạt bị cáo thích đáng, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đồng thời để răn đe làm gương cho người khác.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình, khắc phục hậu quả 2.190.000 đồng tiền thuốc, đã sửa chữa xe hết 5.890.000 đồng nhưng chủ sở hữu xe chỉ yêu cầu bồi thường số tiền 4.000.000đ, chị T, chị Y, chị Th đã nhận đủ số tiền theo yêu cầu và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Sau khi xem xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo đã thật sự bày tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại đã xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường theo yêu cầu của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Do đó HĐXX quyết định cho bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[4] Đánh giá về vật chứng, xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô hiệu Exciter màu đen BKS 43C1-775.28. Đây là tài sản thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Ú là mẹ ruột của bị cáo. Bà Ú cho bị cáo mượn xe làm phương tiện đi lại và không biết việc bị cáo sử dụng xe để đi cướp giật tài sản nên không có cơ sở để xử lý đối với Bà Ú và xe mô tô. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng trao trả xe mô tô nói trên cho chủ sở hữu. Sau khi nhận lại tài sản, bà Ú không có yêu cầu gì nên HĐXX không đề cập xử lý.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của HĐXX nên HĐXX chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Ngô Văn D** phạm tội: “Cướp giật tài sản”

2/ Về căn cứ điều khoản và hình phạt:

Căn cứ vào các điểm d, đ khoản 2 Điều 171; các điểm b, c khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo **Ngô Văn D 2 (Hai) năm 6 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 12 tháng 01 năm 2020).

3/ Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo, những người tham gia tố tụng tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt có quyền kháng cáo với thời hạn trên kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Công an quận Cẩm Lệ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hai

